THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Hải[1]

Tóm tắt: *Không phân biệt đối xử vừa là một quyền và là nguyên tắc có tính cơ bản và xuyên suốt trong pháp luật về quyền con người. Đây cũng là nguyên tắc có tính hiến định trong pháp luật của nhiều quốc gia. Bài viết này phân tích quá trình ghi nhận, bảo đảm nguyên tắc không phân biệt đối xử trong pháp luật quốc tế về quyền con người và trong pháp luật Việt Nam. Bài viết cũng so sánh, đánh giá sự tương thích giữa quy định của pháp luật quốc tế với pháp luật Việt Nam về quyền không bị phân biệt đối xử, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền này.*

Từ khóa: *Không phân biệt đối xử, pháp luật Việt Nam, quyền con người.*
Nhận bài: 03/06/2019; Hoàn thành biên tập: 12/08/2019; Duyệt đăng: 03/09/2019.

Abstract: *Non-discrimination is both a right and a across cuting and fundamental principle in human rights law. This is also a constitutional principle in domestic law of many countries. This article analyzes the process of recognizing and ensuring the principle of non-discrimination under international human rights law and the Vietnamese legal system. The article also compares and assesses the comformity between interantional and domestic law of Vietnam on the right to non-discrimitation. It then proposes some recomendations to improve the laws on this right.*

Keywords: *Non-discrimination, Law of VietNam, Human Rights.*
Date of receipt: 03/06/2019; Date of revision:12/08/2019; Date of approval: 03/09/2019.

Giới thiệu

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực về mặt chính trị, pháp lý, văn hoá ở cả cấp độ quốc tế và quốc gia nhằm xóa bỏ phân biệt đối xử, tình trạng phân biệt đối xử với các cá nhân hay nhóm xã hội vẫn tồn tại ở nhiều nơi trên thế giới. Phân biệt đối xử, dưới các hình thức, mức độ khác nhau đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cách thức mỗi người được đối xử trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế, lao động, việc làm, giáo dục y tế, tiếp cận công lý v.v.... Phân biệt đối xử là một rào cản trong việc tiếp cận quyền, thậm chí là nguyên nhân dẫn đến tình trạng lạm dụng, vi phạm quyền trong mọi xã hội.

Trong nhiều thập kỷ qua, luật quốc tế về quyền con người và hệ thống pháp luật của các quốc gia đã không ngừng được hoàn thiện nhằm xoá bỏ tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử đối xử, bảo đảm bình đẳng và công lý cho tất cả mọi người. Ở Việt Nam, không phân biệt đối xử vừa là một quyền hiến định trong Hiếp pháp, vừa là một nguyên tắc cốt lõi trong hệ thống pháp luật. Bài viết này đưa ra một số đánh giá về quá trình cụ thể hoá quyền này trong hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về chống phân biệt đối xử trong thời gian tới. Bài viết tiếp cận với nội dung của quyền không bị phân biệt đối xử trong pháp luật quốc tế, trên cơ sở có sự đánh giá so sánh mức độ tương thích của các chuẩn mực quốc tế liên quan đến quyền này trong hệ thống pháp luật quốc gia.

1. Không phân biệt đối xử - một quyền con người cơ bản, nguyên tắc cốt lõi của pháp luật quốc tế

Xét về mặt khái niệm, phân biệt đối xử có thể được hiểu là tình trạng đối xử không công bằng hoặc định kiến đối với một cá nhân hay một nhóm người nào đó[2]. Nói cách khác, đó là tình trạng "phân biệt", "loại trừ", "hạn chế" hoặc "ưu đãi" một hay nhiều cơ sở nhất định như chủng tộc, màu da, dòng đõi, nguồn gốc dân tộc, sắc tộc, quốc tịch, tôn giáo, tuổi tác, giới và giới tính, tình trạng khuyết tật, hôn nhân và các tình trạng khác dẫn tới làm tổn hại, gây trở ngại việc ghi nhận, hưởng thụ và thực hiện quyền con người và các tự do cơ bản.

Phân biệt đối xử thường được phân thành hai hình thức: Phân biệt đối xử trực tiếp và phân biệt đối xử gián tiếp. Phân biệt đối xử trực tiếp là cách thức đối xử khác biệt với người khác vì một lý do nào đó không khách quan. Thông thường pháp luật

[1] Viện Quyền con người, Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
[2] Xem: Từ điển Oxford English, tại địa chỉ: https://en.oxforddictionaries.com/definition/discrimination,

sẽ có các quy định để nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử trực tiếp. Phân biệt đối xử gián tiếp là sự tồn tại của pháp luật, chính sách, thực tiễn có tính trung tính hoặc có vẻ như vô hại nhưng lại gây nên những ảnh hưởng tiêu cực đến các cá nhân hay nhóm đối tượng nào đó trong xã hội. Kỳ thị, phân biệt đối xử gián tiếp xảy ra khi một chính sách hoặc quy định pháp luật dường như đối xử với tất cả mọi người một cách bình đẳng nhưng lại gây ảnh hưởng tiêu cực đến một số người.

Nguyên tắc không phân biệt đối xử sớm được coi là những nguyên tắc cơ bản có tính xuyên suốt được ghi nhận từ rất sớm trong luật quốc tế về quyền con người. Phần lớn các điều ước cơ bản về quyền con người đều nghiêm cấm mọi hình thức phân biệt đối xử cả trong pháp luật (de jure) và trong thực tiễn (de facto). Điều 2 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người khẳng định nguyên tắc chung là "mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do ghi trong bản Tuyên Ngôn này không có bất kỳ sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ tình trạng nào khác. Hơn thế nữa, không cho phép sự phân biệt trên cơ sở tình trạng chính trị, pháp lý hay quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ mà người đó trực thuộc, dù là nước độc lập, bị giám hộ, mất chủ quyền hay bị hạn chế chủ quyền".

Tiếp theo sự nghi nhận của Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948, hai văn kiện có tính ràng buộc pháp lý là Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966 đều khẳng định việc nghiêm cấm mọi hình thức phân biệt đối xử. Với Công ước về các quyền dân sự chính trị, không phân biệt đối xử được coi là một nguyên tắc cốt lõi khi thực hiện Công ước. Điều 2 (1) của Công ước này nêu rõ "Mỗi quốc gia thành viên của Công ước này cam kết tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền pháp lý của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước này, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc mọi quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc và xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc các điều kiện khác". Một điều khoản khác của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị là Điều 26 kêu gọi pháp luật cần phải nghiêm cấm phân biệt đối xử trong từng lĩnh vực cụ thể trong đảm bảo cho mọi người được bảo vệ bình đẳng và có hiệu quả. Uỷ ban nhân quyền, cơ quan giám sát việc thực hiện Công ước này cũng đã đưa ra các bình luận chung số 18 (về không phân biệt đối xử), bình luận chung số 23 (về quyền của người thiểu số) và bình luận chung số 11 (về nghiêm cấm việc tuyên truyền cho chiến tranh và việc gây hấn trên cơ sở dân tộc, chủng tộc, tôn giáo) để làm rõ hơn cơ sở, phạm vi, nội dung của quyền không bị phân biệt đối xử. Nhằm giải thích thêm về nội dung Điều 2 (2), Điều 3 của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá, Uỷ ban của Công ước này đã thông qua bình luận chung số 21. Chẳng hạn, để làm rõ khái niệm "các cơ sở khác được quy định tại Điều 2 (2), Uỷ ban cho rằng cơ sở của sự phân biệt đối xử cần bao gồm cả xu hướng tình dục.

Nguyên tắc không phân biệt đối xử tiếp tục được đề cập trong một loạt các điều ước chuyên biệt về quyền con người nhằm bảo đảm quyền cho một số nhóm dễ bị tổn thương như Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Điều 1), Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Điều 1), Công ước về quyền của người khuyết tật, công ước quyền trẻ em (Điều 2), Công ước về bảo vệ quyền của người lao động di trú và thành viên của gia đình họ (Điều 1 (1), Điều 7); Công ước về quyền của người khuyết tật (Điều 3 (b), Điều 5); Công ước số 90 của ILO về trả lương công bằng, Công ước số 111 của ILO về chống phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp (Điều 1, Điều 2, và Điều 4); Công ước số 122 của ILO về chính sách việc làm (Điều 1);..vv...Các công ước này đều đưa ra định nghĩa và các nội hàm cụ thể của nguyên tắc của quyền không phân biệt đối xử.

Nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử cũng được quy định trong nhiều các văn kiện khu vực như Tuyên ngôn châu Mỹ về quyền con người (Điều 2), Công ước châu Mỹ về nhân quyền (Điều 24), Công ước châu Phi về quyền con người và quyền của các dân tộc (Điều 2 và 3).

Có một điểm đáng lưu ý là, khi đưa ra định nghĩa về phân biệt đối xử, các Công ước này thường xác định rõ cơ sở cụ thể của sự phân biệt đối xử đồng thời cũng để mở cho các cơ sở khác. Chính vì vậy, một số cơ sở của phân biệt đối xử chưa được ghi

nhận trong Công ước thì đã được Uỷ ban công ước và các cơ quan chuyên môn liên quan đã bổ sung thêm, chẳng hạn như tình trạng phân biệt đối xử vì lý do tuổi tác, tình trạng khuyết tật, định hướng giới tính. Các quy định về phân biệt đối xử này đã và đang được nội luật hoá vào hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam thông qua việc thực hiện nghĩa vụ của quốc gia thành viên.

2. Thực hiện quy định về nguyên tắc không bị phân biệt đối xử trong pháp luật Việt Nam

Bình đẳng và không phân biệt đối xử là một trong những nguyên tắc cơ bản, quan trọng của pháp luật Việt Nam. Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ đều đặc biệt nhấn mạnh đến việc ghi nhận bình đẳng trước pháp luật. Tuy nhiên, nội dung của nguyên tắc nghiêm cấm phân biệt đối xử chưa được nhấn mạnh một cách toàn diện trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam. Cụ thể, các Hiến pháp trước đây chưa có điều khoản riêng quy định về cấm phân biệt đối xử cũng như việc nghiêm cấm phân biệt đối xử xuất phát từ các cơ sở khác nhau. Đến Hiến pháp năm 2013 thì nguyên tắc này được quy định cụ thể hơn. Hiến pháp đã có riêng một khoản quy định về nguyên tắc không phân biệt đối xử tại Điều 16 (2): "Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội". Ngoài ra, nguyên tắc không phân biệt đối xử cũng được thể hiện trong các quy định cụ thể khác của Hiến pháp. Chẳng hạn, quy định về nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc (Điều 5 (2)). Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quy định về bình đẳng của các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật (Điều 24 (1)) và quy định về nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới tại Điều 26 (1), (3).

Nguyên tắc không phân biệt đối xử trong Hiến pháp năm 2013 đã được cụ thể hoá trong nhiều đạo luật và các văn bản pháp luật liên quan bao gồm cả những quy định sẵn có trong các bộ luật đã được thông qua trước sự ra đời của Hiến pháp 2013. Bộ luật dân sự (sửa đổi) năm 2015, coi không phân biệt đối xử là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự. Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015 nêu rõ nguyên tắc: "Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản". Ngoài ra, Bộ luật dân sự năm 2015 cũng đã sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm việc xoá bỏ phân biệt đối xử. Chẳng hạn, Bộ luật này đã bổ sung quy định tại Điều 37 về thực hiện quyền chuyển đổi giới tính. Bộ luật hình sự năm 2015 coi không phân biệt đối xử là một nguyên tắc cơ bản trong xử lý người phạm tội. Điều 3 (b) quy định rõ "Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội".

Tương tự như vậy, Bộ luật lao động năm 2012 cũng bao gồm quy định về chống phân biệt đối xử trong quan hệ lao động. Điều 8 của Bộ luật này đưa quy định về các hành bị cấm bao gồm cả hành vi phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, nhiễm HIV, khuyết tật, hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn. Bộ luật này cũng nghiêm cấm người sử dụng lao động không được phân biệt đối xử về điều kiện lao động đối với người lao động thuê lại so với người lao động của mình; nghiêm cấm phân biệt đối xử về tiền lương, thời giờ làm việc và các quyền và nghĩa vụ khác trong quan hệ lao động nhằm cản trở việc thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động.

Nguyên tắc cấm phân biệt đối xử được đặc biệt nhấn mạnh trong các bộ luật về bảo vệ quyền các nhóm dễ bị tổn thương. Luật bình đẳng giới năm 2006 đưa ra định nghĩa cho khái niệm phân biệt đối xử về giới là "việc hạn chế, loại trừ, hoặc không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình" (Điều 5), đồng thời coi "không phân biệt đối xử là một nguyên tắc cơ bản để bảo đảm bình đẳng giới (Điều 6). Nhiều điều khoản cụ thể của luật này cũng đưa ra quy định để xoá bỏ tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ trên các lĩnh vực khác nhau. Luật người khuyết tật 2010 đặc biệt nhấn mạnh đến việc thông tin, tuyên truyền, giáo dục để "chống kỳ thị phân biệt đối xử người khuyết tật" (Điều 13). Đặc biệt Khoản 1 Điều 14 quy định "kỳ thị phân biệt đối xử người khuyết tật" là một hành vi bị nghiêm cấm. Luật trẻ em 2016 ghi nhận không phân biệt đối xử với trẻ em là một nguyên tắc cơ bản để bảo đảm việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em (Điều 59 (2)), đồng thời nghiêm cấm mọi hành vi "kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia

đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em" (Điều 6).

Ngoài ra nguyên tắc hiến định về chống phân biệt đối xử cũng đã được ghi nhận trong nhiều bộ luật chuyên ngành khác. Chẳng hạn, Luật phòng chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) (gọi tắt là Luật phòng chống HIV/AIDS năm 2006) có khá nhiều quy định về việc phòng chống các hành vi và phân biệt đối xử với người có HIV. Điều 3 (3) Luật này nêu rõ "Không kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV và người bị ảnh hưởng do HIV/AIDS; tạo điều kiện để người nhiễm HIV và gia đình họ tham gia các hoạt động xã hội, đặc biệt là các hoạt động phòng chống HIV/AIDS". Kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV cũng được là một hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8 (3)), bao gồm các hành vi cụ thể như chấm dứt hợp đồng, thuyên chuyển công tác, từ chối nâng lương hoặc yêu cầu xét nghiệm HIV, từ chối tiếp nhận học sinh, sinh viên vì lý do họ nhiễm HIV, tách biệt, hạn chế, hoặc cấm đoán học sinh, sinh viên tham gia hoạt động vì họ nhiễm HIV, hoặc yêu cầu xét nghiệm HIV (Điều 9).

Ngoài ra, nhiều nghị định xử phạt hành chính cũng có những quy định cụ thể về các hành vi bị nghiêm cấm và xử phạt liên quan đến phân biệt đối xử. Ví dụ Nghị định số 69/2011/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính về y tế dự phòng, môi trường y tế và phòng, chống HIV/AIDS. Điều 22 của Nghị định này, nêu rõ việc xử phạt đối với các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về chống kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người nhiễm HIV.

Như vậy, có thể thấy nguyên tắc hiến định về cấm phân biệt đối xử đã được quy định ở hầu hết các bộ luật cơ bản của Việt Nam với các mức độ khác nhau. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm việc xoá bỏ mọi hành vi phân biệt đối xử trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, so với các chuẩn mực quốc tế và tầm quan trọng của nguyên tắc không phân biệt đối xử như là một nguyên tắc hiến định, thì hệ thống pháp luật Việt Nam về vấn đề này vẫn còn một số hạn chế. Phần dưới đây sẽ đưa ra một số phân tích về các khoảng trống này.

3. Một số đánh giá và khuyến nghị

Trong luật quốc tế về quyền con người, không phân biệt đối xử vừa là một quyền vừa là một nguyên tắc cốt lõi xuyên suốt. Quyền này thuộc nhóm quyền vừa là một quyền không thể bị đình chỉ hay tạm dừng thực hiện (non-derogable right); nghĩa là dù trong bất kỳ hoàn cảnh, tình huống nào cũng không được đình chỉ việc thực hiện. Khi thực hiện các nghĩa vụ của một quốc gia thành viên đối với việc thực hiện các cam kết của mình theo các cơ chế dựa trên hiến chương và cơ chế dựa trên điều ước về quyền con người, các vấn đề về phân biệt đối xử là một nội dung Việt Nam nhận được khá nhiều khuyến nghị. Trong lần thực hiện báo cáo kiểm điểm định kỳ lần thứ 2 lên Hội đồng nhân quyền năm 2014, Việt Nam nhận được 227 khuyến nghị trong đó có khoảng 10 khuyến nghị trực tiếp về chống phân biệt đối xử (khuyến nghị số 17, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 206, 207, 211)[3]. Uỷ ban Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ cũng kêu gọi Việt Nam cần đưa ra các biện pháp có tính chiến lược tổng hợp và các chương trình cụ thể để giải quyết tận gốc tình trạng phân biệt đối xử do định kiến giới gây nên[4]. Gần đây, sau khi xem xét báo cáo thực hiện Công ước về các quyền dân sự, chính trị của Việt Nam, trong danh mục các vấn đề quan tâm Uỷ ban công ước này cũng đã đề nghị quốc gia thành viên cung cấp thêm thông tin về các biện pháp đã thực hiện liên quan đến các quy định về xoá bỏ phân biệt đối xử trong công ước này[5]. So với chuẩn mực quốc tế hiện hành về quyền không bị phân biệt đối xử thì việc bảo đảm quyền này ở Việt Nam vẫn còn một số khoảng trống sau đây:

Thứ nhất, các bộ luật cơ bản như luật bình đẳng giới, luật về người khuyết tật, luật phòng chống HIV/AID v..v... đã đưa ra định nghĩa tương đối đủ về

[1] Human rights Council Report of the Working Group on the Universal Periodic Review- Viet Nam, 2/4/2014, https://documents-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/G14/129/10/PDF/G1412910.pdf?OpenElement (truy cập ngày 15/9/2018)

[2] CEDAW Committee, Concluding observations on the combined seventh and eighth periodic reports of Viet Nam, 29/7/2015 https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CEDAW/C/VNM/CO/7-8&Lang=En (truy cập ngày 15/9/2018)

[3] Human rights Committee, List of issues in relation to the third periodic report of Viet Nam, 18/8/2018,https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CCPR%2fC%2fVNM%2fQ%2f3&Lang=en truy cập ngày 15/9/2018

nội hàm của khái niệm phân biệt đối xử. Tuy nhiên, một số bộ luật khác mới chỉ dừng lại ở việc nhấn mạnh "hành vi phân biệt đối xử" (chẳng hạn Luật phòng chống HIV) mà chưa nhấn mạnh đầy đủ đến tình trạng "phân biệt", "loại trừ" "hạn chế".

Thứ hai, các bộ luật hiện hành chưa đề cập đầy đủ đến cơ sở của sự phân biệt đối xử. Đa phần các quy định liên quan mới chỉ nhấn mạnh đến sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, nhiễm HIV, khuyết tật mà chưa nhấn mạnh đến sự phân biệt đối xử vì lý do xu hướng tính dục hay tuổi tác.

Thứ ba, về cơ bản các bộ luật mới chỉ đưa ra các quy định nghiêm cấm hình thức phân biệt đối xử trực tiếp mà chưa có các điều khoản cụ thể về phân biệt đối xử gián tiếp. Luật người khuyết tật chưa quy định nói rõ về việc nghiêm cấm các hành vi kỳ thị và phân biệt đối xử trong nhà trường, trong việc làm, mà chỉ chủ yếu tập trung vào việc "tạo điều kiện, giúp đỡ, và đảm bảo" cho người khuyết tật.

Thứ tư, một số quy định có tính phân biệt đối xử trực tiếp và gián tiếp vẫn còn tồn tại trong văn bản quy phạm pháp luật, chẳng hạn như quy định về tuổi nghỉ hưu với lao động nữ trong Bộ luật lao động năm 2012 hay tuổi kết hôn của nam giới trong Luật hôn nhân gia đình.

Thứ năm, về các biện pháp, thủ tục thúc đẩy việc giám sát thực thi quyền không bị phân biệt đối xử, mặc dù một số biện pháp hoà giải và biện pháp tư pháp nhằm trừng phạt hành vi kì thị và phân biệt đối xử đã được đưa ra, việc thực hiện các biện pháp đặc biệt tạm thời cũng như tiếp cận công lý cho nạn nhân của sự phân biệt đối xử vẫn còn hạn chế. Hiện vẫn chưa có quy định đầy đủ về khiếu kiện khi xảy ra hành vi phân biệt đối xử.

Để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về quyền không bị phân biệt đối xử ở Việt Nam, cần lưu ý đến một số biện pháp sau:

Cần có nỗ lực để nâng cao nhận thức của người dân về nguyên tắc bình đẳng và phân biệt đối xử để xoá bỏ các rào cản về pháp luật, văn hoá, xã hội có liên quan.

Cần thực hiện lồng ghép nguyên tắc không phân biệt đối xử vào các chính sách, chương trình liên quan.

Cần thông qua các biện pháp cụ thể để bảo vệ các nhóm dễ bị phân biệt đối xử.

Cần có chiến lược, pháp luật và chương trình để xoá bỏ phân biệt đối xử trong đời sống riêng.

Cần đưa ra các biện pháp cụ thể để giải quyết mọi hình thức phân biệt đối xử, bao gồm cả phân biệt đối xử gián tiếp.

Các biện pháp và chương trình về chống phân biệt đối xử cần đề cập đầy đủ đến tất cả các cơ sở của phân biệt đối xử đối với mọi hình thức phân biệt đối xử bao gồm cả chủng tộc, màu da, giới tính, quan điểm chính trị, tài sản, nơi sinh, định hướng tính dục, bản dạng giới, sức khoẻ, tuổi tác và các tình trạng khác.

Cuối cùng, mặc dù các quy định về không phân biệt đối xử đã được ghi nhận trong nhiều bộ luật và văn bản quy phạm pháp luật, như khuyến nghị của Hội đồng nhân quyền và Uỷ ban nhân quyền- cơ quan giám sát việc thực hiện công ước quốc tế về các quyền dân sự mà Việt Nam là quốc gia thành viên – Việt Nam cần sớm thông qua một bộ luật riêng về chống phân biệt đối xử nhằm ghi nhận đầy đủ hơn quyền này cho tất cả mọi người cũng như nghĩa vụ của các cơ quan, thiết chế có liên quan để giúp cho việc thực hiện quyền được hiệu quả hơn. Luật chống phân biệt đối xử sẽ đưa ra một hành lang pháp lý rõ ràng để bảo vệ quyền không bị phân biệt đối xử của tất cả các công dân. Nó cũng là cơ sở để nâng cao nhận thức xã hội, xóa bỏ kỳ thị và phân biệt đối xử, góp phần vào phát triển một xã hội hài hòa, nhân văn và bình đẳng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. European Commission, A comparative analysis ofnondiscrimination law in Europe, 2017.

2. Europe-Third World Centre (CETIM), Right to Non-Discrimination, 2011.

3. Europe-Third World Centre, The Right to Non-Discrimination, 2011.

4. Save the Children Sweden, Translating the Right to Non-Discrimination into Reality, 2008, http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=166.

5. Nguyễn Thị Phương Thanh, Pháp luật về phòng, chống phân biệt đối xử ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí dân chủ pháp luật online tại: http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap.aspx?ItemID=166.